TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 28/6/2018.
V/v tranh chấp ***"Ly hôn, nuôi con"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Lại Hiệp Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trương Phước Công.

Ông Đặng Văn Tâm.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 227/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1997; (có mặt).

Cư trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn U, sinh năm 1991; (vắng mặt).

Cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông U tổ chức lễ cưới vào năm 2014, hôn nhân do mai mối và được cha mẹ hai bên quyết định và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới nhau, bà sống bên nhà chồng được 03 tháng thì cả hai vợ chồng về nhà mẹ ruột bà ở, do gia đình bên chồng khó khăn. Đến tháng 3/2015 thì vợ chồng lên Bình Dương làm thuê được 04 tháng thì vợ chồng lại trở về nhà cha mẹ bà sinh sống. Đến tháng 6/2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông U chỉ lo ăn chơi, không lo làm ăn, không quan tâm vợ con và vợ chồng

không còn sống chung từ thời gian đó đến nay. Thời gian vợ chồng không sống chung, thỉnh thoảng ông U có tới lui thăm con nhưng không phụ tiếp chi phí nuôi dưỡng con. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với chồng là ông Đỗ Văn U.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Đỗ Duy A, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2016. Hiện nay, cháu A do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đỗ Văn U trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất theo lời trình bày của bà L về thời gian tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2016 thì không sống chung cho đến nay. Vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn nhưng không biết vì lý do gì bà L lại yêu cầu ly hôn. Vì ông vẫn còn thương vợ và con nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Đỗ Duy A, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2016. Hiện nay, cháu A do bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp bà L giữ nguyên yêu cầu ly hôn, ông yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà L khởi kiện ông U, ông U có nơi cư trú ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập ông Đỗ Văn U tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông U vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông U theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Bà L và ông U tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết

nhận số 25/2016 ngày 25 tháng 3 năm 2016 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông U cho rằng vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, ông vẫn còn thương vợ con và ông không đồng ý ly hôn với bà L. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng không còn sống chung đến nay (khoảng 02 năm), ông vẫn không đến thăm nom vợ con, không quan tâm, chăm sóc vợ con, không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó thấy rằng, giữa hai người không còn tình nghĩa vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Đỗ Duy A, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2016. Hiện nay, cháu A do bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà L và ông U đều yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay, cháu A đang được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển tốt. Bên cạnh đó, hiện tại cháu A chưa đủ 36 tháng tuổi nên có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà L là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Ông U, bà L xác định không có nên không đề cập đến.

[5]. Về nợ chung: Ông U, bà L xác định không có nên không đề cập đến.

Ghi nhận việc ông U và bà L xác định vợ chồng không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông U và bà L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6]. Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ :

Các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc L đối với ông Đỗ Văn U.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc L được ly hôn với ông Đỗ Văn U.

Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Duy A, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2016. Hiện nay, cháu Duy A đang được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Do bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Bà L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông U trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai số 0019431 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Về quyền kháng cáo:

Bà L có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông U có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dâu)

Lại Hiệp Phong

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu./.